



Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Bùi Thị H, sinh ngày 18/2/1956; Nơi cư trú: Tổ C, phường Q, quận H1, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 25/9/1986; ĐKNKTT: Khu phố P, phường Đ, quận D1, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Cuối năm 2018, Bùi Đức T làm công việc mua bán phụ tùng xe ô tô cũ nên có nhiều lần đến tỉnh Quảng Trị để tìm mua các thiết bị phụ tùng xe ô tô của Thái L1 được nhập về Quảng Trị. Do tình hình kinh doanh không thuận lợi nên đến đầu năm 2019 T nghỉ việc. Vào tháng 02/2019, T nảy sinh ý định đi vào tỉnh Quảng Trị cho người khác vay tiền để thu lãi suất với mức từ 3.000đồng/01triệu đồng/01 ngày. Để thực hiện ý định này, T đã liên hệ với Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn D2 (là người quen của T) trao đổi về việc sẽ vào tỉnh Quảng Trị hoạt động cho người khác vay tiền hưởng tiền chênh lệch lãi suất. Đồng thời rủ cả hai vào giúp mình, thì được Đ2 và D2 đồng ý. T nói với vợ là chị Nguyễn Thị D sẽ vào Quảng Trị để kinh doanh buôn bán mặt hàng phụ tùng xe ô tô, đồng thời yêu cầu chuẩn bị tiền để chuyển cho T làm vốn, ngoài ra T có sẵn 80.000.000 đồng. Từ ngày 04-3-2019 đến ngày 11-3-2019 bà Nguyễn Thị D, đã chuyển vào tài khoản số 0031000359609 của Bùi Đức T mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Hải Phòng tổng cộng **281.800.000** đồng.

Ngày 05-3-2019, T vào thành phố Đ1 thuê nhà của bà Trần Thị Minh (số 27/14, đường T2, phường 5, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị). T in các tờ quảng cáo cho vay tiền có nội dung “CHO VAY TIỀN” kèm các số điện thoại của T 0349.899.009 và 0904.301.301. Sáng ngày 10/3/2019, Đ2 và D2 cùng đi vào chỗ T ở. Tại đây, T nói rõ với D2 và Đ2 về việc T sẽ cho người khác vay tiền để thu lãi suất cao. Để trả tiền công trong việc giúp T trong hoạt động cho vay tiền, T thoả thuận trả tiền cho Đ2 và D2 theo tháng làm việc thực tế với mức khoảng 6.000.000đ/01 người/01 tháng và sẽ trả tiền vào khoảng ngày 10 trong tháng (D2,

Đ2 nhận 42.000.000 tiền lương từ T trong đó: Đ2 nhận 03 tháng lương 18.000.000 đồng, Đ2 nhận 04 tháng lương 24.000.000 đồng). T phân công các nhiệm vụ cho Đ2 gồm: đi xác minh nhà ở của người vay tiền, thu nợ của người vay tại các địa điểm mà người vay hẹn đến trả tiền mang về giao cho Đ2 ghi vào sổ theo dõi, ngoài ra còn đi chợ nấu cơm cho cả nhóm. Đ2 được T phân công ở nhà để thu nợ của người vay tiền mang đến trả sau đó ghi vào sổ theo dõi thu nợ hàng ngày, đến cuối ngày thì chốt sổ tính tổng thu nợ của người vay trong ngày rồi bàn giao tiền và sổ cho T. T là người trực tiếp gặp người vay, thỏa thuận về hình thức cho vay, lãi suất cho vay, làm hợp đồng với người vay và giao tiền cho người vay. T và Đ2 dùng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 14M2 - 0289 của T mang từ Hải Phòng vào đi dán các tờ quảng cáo cho vay tiền mà T đã in sẵn trước đó.

Các bị can thực hiện hành vi cho vay tiền để thu lãi suất cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ 10-3-2019 đến 18-7-2019 thì bị Phòng CSHS Công an tỉnh Quảng Trị phát hiện và lập biên bản sự việc khi các bị can cùng các ông Nguyễn Việt A, Vũ Tuấn A1, Đỗ Quang V, Hoàng Mai H2 đến nhà bà Nguyễn Thị Thu H3 trú tại khu phố 1, phường 1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị để thu nợ. Ngày 19-7-2019, bà Nguyễn Thị Thu H3 đã làm đơn tố giác Bùi Đức T về hành vi cho vay lãi nặng.

Các bị can T, Đ2 và Đ2 đã cho vay với mức lãi suất từ 114,062%/năm đến 536%/năm, cao gấp từ 5,7 lần đến 26,8 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015 (20%/năm, tương đương 1,666666%/tháng, tương đương 0,054794%/ngày). Công thức tính lãi suất vay và thu tiền lãi bất chính được xác định như sau:

- Lãi suất năm = số tiền lãi ngày  $\times 365 \div 1.000.000 \times 100$  (%) hoặc lãi suất năm = (số tiền phải trả - số tiền thực vay)  $\div$  số tiền thực vay  $\times 100 \div$  số ngày đã trả  $\times 365$  (%).

- Tiền lãi hợp pháp = Số tiền vay  $\times 0,054794\% \times$  số ngày đã trả.

- Tiền lãi bất chính = Tiền lãi đã thu - tiền lãi hợp pháp.

Quy trình cho vay được thực hiện như sau: T và Đ2 thực hiện việc phát, dán các tờ rơi quảng cáo cho vay có in địa chỉ và số điện thoại của T ở nơi công cộng, khi có người liên hệ để vay tiền thì T sẽ phân công Đ2 đi xác minh điều kiện vay của người đến vay. Sau khi được đồng ý cho vay, người vay tiền của T phải viết vào bản hợp đồng do T đã chuẩn bị sẵn có nội dung: Nếu vay 5.000.000 đồng, thì viết số tiền vay 6.000.000 đồng, nếu vay 10.000.000 đồng thì viết số tiền vay 12.000.000 đồng, nếu vay 15.000.000 đồng thì viết số tiền vay

18.000.000 đồng..., thời hạn vay là 40, 50 hoặc 60 ngày phải trả hết số tiền ghi trên giấy vay, thời hạn vay ngắn hoặc dài hơn thì mức lãi suất sẽ theo thỏa thuận.

Trong thời gian từ ngày 10/3/2019 đến ngày 18/7/2019, T được D2 và Đ2 giúp sức đã thông qua 57 giao dịch dân sự cho 23 người vay với số tiền **552.000.000** đồng, thu lãi **102.425.000** đồng, T thu lợi bất chính **93.770.836** đồng cụ thể như sau:

1. Cho bà Nguyễn Thị Thu H3 (trú tại khu phố 1, phường 1, thành phố Đ1) vay 02 lần với số tiền 30.000.000 đồng, thu lợi bất chính 5.523.292 đồng.

- **Lần 1:** Ngày 02/6/2019, vay số tiền **15.000.000** đồng, thời gian trả 40 ngày. Đã trả trong 18 ngày với số tiền 18.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng. Lãi suất cho vay 11.111đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 405,5%/năm. Lãi suất hợp pháp theo quy định là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó số tiền lãi hợp pháp mà T được hưởng trong 18 ngày là  $15.000.000đ \times 0,054794\% \times 18$  (ngày) = **147.944** đồng. T thu lợi bất chính số tiền  $3.000.000đ - 147.944đ =$  **2.852.056** đồng, Đ2 và D2 tham gia toàn bộ lần vay này.

- **Lần 2:** Ngày 18/6/2019, vay số tiền **15.000.000** đồng, thời gian trả 40 ngày. Đã trả trong 40 ngày với số tiền 18.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng. Lãi suất cho vay 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm. Lãi suất hợp pháp theo quy định là **328.764** đồng. T thu lợi bất chính số tiền **2.671.236** đồng.

Đ2 tham gia trong **21** ngày, thu số tiền **9.450.000** đồng, trong đó tiền gốc 7.875.000 đồng, tiền lãi 1.575.000 đồng. Lãi suất cho vay 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó số tiền lãi suất hợp pháp trong giai đoạn Đ2 tham gia là  $15.000.000đ \times 0,054794\% \times 21$  (ngày) = **172.601** đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính là  $1.575.000đ - 172.601đ =$  **1.402.399** đồng.

D2 tham gia trong **31** ngày, thu số tiền **13.950.000** đồng, trong đó tiền gốc 11.625.000 đồng, tiền lãi 2.325.000 đồng. Lãi suất cho vay 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó số tiền lãi suất hợp pháp trong giai đoạn D2 tham gia là:  $15.000.000đ \times 0,054794\% \times 31$  (ngày) = **254.792** đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính là:  $2.325.000đ - 254.792đ =$  **2.070.208** đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính trong 02 lần vay là  $2.852.056đ + 2.671.236đ =$  **5.523.292** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia là  $2.852.056đ + 1.402.399đ =$

**4.254.455** đồng, giai đoạn D2 tham gia là  $2.852.056đ + 2.070.208đ = \mathbf{4.922.264}$  đồng.

(Cũng bằng hành vi, phương thức cho vay tương tự, T cùng Đ2 và D2 thực hiện một số trường hợp khác như sau):

2. Từ ngày 23-3-2019 đến ngày 05-6-2019 cho bà Phan Thị L (trú tại khu phố 7, phường 5, thành phố Đ1) vay 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 03 lần vay là **2.695.893** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia ba lần, thu lãi bất chính **2.606.852** đồng; D2 tham gia ba lần, thu lãi bất chính **2.094.865** đồng.

3. Ngày 17-7-2019, cho ông Trần Ngọc B1 (trú tại xã T3, huyện T4, tỉnh Quảng Trị) vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, thu lợi bất chính 578.768 đồng. Lần cho vay này, Đ2 không tham gia. D2 thu lợi bất chính **44.521** đồng.

4. Từ ngày 15-5-2019 đến ngày 01-7-2019, cho bà Hoàng Thị Như Huế (trú tại khu phố 1, phường Đ3, thành phố Đ1) vay 03 lần với số tiền 50.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 03 lần vay là **9.123.296** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia ba lần, thu lãi bất chính **6.273.978** đồng; D2 tham gia hai lần, thu lãi bất chính **3.773.978** đồng.

5. Từ ngày 12-4-2019 đến ngày 28-6-2019, cho ông Nguyễn Hoàng L1 (trú tại khu phố 6, phường 5, thành phố Đ1) vay 04 lần với số tiền 40.000.000đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 04 lần vay là: **6.858.910** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia bốn lần, thu lợi bất **5.567.813** đồng; D2 tham gia bốn lần, thu lãi bất chính **3.560.963** đồng.

6. từ ngày 11-4-2019 đến ngày 08-7-2019, cho bà Phan Thị Hằng (trú tại khu phố 5, phường Đ4, thành phố Đ1) vay 02 lần với số tiền 16.000.000đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 02 lần vay là **3.750.139** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia hai lần, thu lãi bất chính 1.971.096đ; D2 tham gia hai lần, thu lãi bất chính **2.427.261** đồng.

7. Từ ngày 13-3-2019 đến ngày 16-6-2019, cho bà Lê Thị Tuyết Mai (trú tại khu phố 9, phường 5, thành phố Đ1) vay 05 lần với số tiền 41.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 05 lần vay là: **8.357.267** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia năm lần, thu lãi bất **7.555.896** đồng; D2 tham gia năm lần, thu lãi bất chính **5.485.895** đồng.

8. từ ngày 28-3-2019 đến ngày 22-6-2019, cho bà Trần Thị Tuyết Nguyễn Thị D (trú tại khu phố 6, phường 1, thành phố Đ1) vay 05 lần với số tiền 60.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 05 lần vay là: **10.171.242**

đồng. Trong đó, Đ2 tham gia năm lần, thu lãi bất chính **8.462.472** đồng; D2 tham gia bốn lần, thu lãi bất chính **3.995.759** đồng.

9. Ngày 17-7-2019, cho ông Lê Công B1 (trú tại khu phố 6, thị trấn HL (nay là thị trấn DS), huyện HL, tỉnh Quảng Trị) vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng. Thu lợi bất chính 1.780.824 đồng. Đ2 không tham gia lần cho vay này. D2 thu lợi bất chính 89.041 đồng.

10. Ngày 20-4-2019, cho bà Nguyễn Thị L3 (trú tại khu phố 8, phường 5, thành phố Đ1) vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, T, Đ2 thu lợi bất chính 890.412 đồng. D2 tham gia trong **15** ngày, thu lợi bất chính **333.905** đồng.

11. Ngày 25-4-2019, cho bà Hoàng Thị Tr1 (trú tại khu phố 8, phường 5, thành phố Đ1) vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng. T, Đ2 thu lợi bất chính **769.863** đồng; D2 tham gia trong **10** ngày, thu lợi bất chính **222.603** đồng.

12. Từ ngày 26-4-2019 đến ngày 09-6-2019, cho ông Phạm Hoàng L4 (trú tại khu phố 9, phường 5, thành phố Đ1) vay 02 lần với số tiền 10.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 02 lần vay là: 1.780.824 đồng. Trong đó, Đ2 tham gia hai lần, thu lãi bất chính **1.558.221** đồng; D2 tham gia hai lần, thu lãi bất chính **1.179.796** đồng.

13. Từ ngày 06-4-2019 đến ngày 05-7-2019, cho bà Nguyễn Hạnh Nguyễn Thị D (trú tại khu phố 1, phường Đông Giang, thành phố Đ1) vay 05 lần với số tiền 70.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 05 lần vay là: **11.019.187** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia năm lần, thu lãi bất chính **8.615.075** đồng; D2 tham gia bốn lần, thu lãi bất chính **6.071.581** đồng.

14. Ngày 11-7-2019, cho bà Nguyễn Thị L3 (trú tại khóm 2Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị) vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, thu lợi bất chính 1.780.824 đồng. Đ2 không tham gia lần cho vay này. D2 tham gia trong **08** ngày thu lợi bất chính **356.165** đồng.

15. Ngày 20-6-2019, cho ông Lê Văn T4 (trú tại khu phố 1, phường ĐG, thành phố Đ1) vay 01 lần với số tiền 15.000.000 đồng. T thu lợi bất chính số tiền **2.671.236** đồng. Đ2 tham gia trong **18** ngày, thu lợi bất chính **1.202.056** đồng. D2 tham gia trong **28** ngày, thu lợi bất chính **1.869.865** đồng.

16. Từ ngày 09-4-2019 đến ngày 05-6-2019, cho ông Ngô Quang Tr4 (trú tại khu phố 1, phường 1, thành phố Đ1) vay 03 lần với số tiền 30.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 03 lần vay **4.051.374** đồng. Trong đó Đ2 tham gia ba lần, thu lãi bất chính **4.051.374** đồng; D2 tham gia ba lần, thu lãi bất chính **2.849.318** đồng.

17. Từ ngày 24-3-2019 đến ngày 17-4-2019, cho ông Nguyễn Văn H4 (trú tại khu phố 7, phường 5, thành phố Đ1) vay 02 lần với số tiền 10.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 02 lần vay 1.273.974đ. Trong đó, Đ2 tham gia hai lần, thu lãi bất chính **1.273.974** đồng; D2 tham gia hai lần, thu lãi bất chính **1.334.932** đồng.

18. Từ ngày 26-3-2019 đến ngày 25-5-2019, cho bà Võ Thị K1 (trú tại khu phố 8, phường 5, thành phố Đ1) vay 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 03 lần vay **2.726.030** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia ba lần, thu lãi bất chính **2.726.030** đồng; D2 tham gia ba lần, thu lãi bất chính **2.000.003** đồng.

19. Từ ngày 07-5-2019 đến ngày 28-6-2019, cho ông Hoàng Hữu V2 (trú tại khu phố 2, phường 2, thành phố Đ1) vay 02 lần với số tiền 10.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 02 lần vay **1.754.796** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia hai lần, thu lãi bất chính **1.109.247** đồng; D2 thu lãi bất chính **467.466** đồng.

20. Từ ngày 11/4/2019 đến ngày 14/6/2019, cho bà Nguyễn Thị Hồng T5 (trú tại khu phố 4, phường 1, thành phố Đ1) vay 04 lần với số tiền 45.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 04 lần vay **7.118.499** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia bốn lần, thu lãi bất chính **7.118.499** đồng; D2 tham gia ba lần, thu lãi bất chính **3.116.442** đồng.

21. Từ ngày 05-4-2019 đến ngày 24-5-2019, cho bà Phan Thị Hoài Th3 (trú tại khu phố 4, phường Đông Lễ, thành phố Đ1) vay 04 lần với số tiền 45.000.000 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính trong 04 lần vay **6.895.553** đồng. Trong đó, Đ2 tham gia bốn lần, thu lãi bất chính **6.895.553** đồng; D2 tham gia ba lần, thu lãi bất chính **3.127.770** đồng.

22. Ngày 10-3-2019, cho bà Ngô Thị Q1 (trú tại khu phố 2, phường 4, thành phố Đ1) vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, thu lợi bất chính 863.015 đồng. Đ2 và D2 không tham gia lần cho vay này.

23. Ngày 07/5/2019, cho bà Hoàng Thị Kim L4 (trú tại thôn HT, xã G, huyện G1, tỉnh Quảng Trị) vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, thu lợi bất chính 1.335.618 đồng. Đ2 và D2 không tham gia lần cho vay này.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 10-3-2019 đến ngày 18-7-2019 T đã thông qua 57 giao dịch dân sự cho 23 người vay, với tổng số tiền cho vay là **552.000.000** đồng, thu lãi **102.425.000** đồng, trong đó thu lợi bất chính **93.770.836** đồng.

Đ2 giúp sức cho T từ ngày 10/3/2019 đến ngày 08-7-2019, tham gia cho **18** người vay, thu tổng số tiền lãi là **78.920.000** đồng, thu lợi bất chính **72.880.605** đồng.

D2 giúp sức cho T 2 giai đoạn: Giai đoạn 1: từ ngày **10-3-2019** đến ngày **04-5-2019**; giai đoạn 2: từ ngày **01-6-2019** đến ngày **18/7/2019**. Trong thời gian này đã trực tiếp thực hiện việc xác minh và thu nợ **21** người vay tiền giúp T thu lãi **54.438.000** đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là **49.333.391** đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của Bùi Đức T một số tài sản, hiện các vật chứng có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bùi Đức T thu lợi bất chính tổng cộng **93.770.836** đồng, đã vận động gia đình nộp lại **34.917.321** đồng, ngoài ra trong quá trình giải quyết tố giác về tội phạm T còn giao nộp **31.050.000** đồng, tổng cộng **65.976.321** đồng để khắc phục hậu quả. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu các bị can phải hoàn trả lại số tiền đã thu lợi bất chính trong các khoản vay của mình. Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn Đ2 nhận 42.000.000 tiền lương từ T trong đó: D2 nhận 03 tháng lương 18.000.000 đồng, Đ2 nhận 04 tháng lương 24.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý nộp lại số tiền trên nhưng hiện chưa có điều kiện.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự; Bị cáo Bùi Đức T áp dụng thêm điểm b khoản 1;

Căn cứ Điều 106, 262, 331 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 123, 131 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T 24 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày bị cáo Bùi Đức T và Ủy ban nhân dân phường Đ, quận D1, thành phố Hải Phòng nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Bùi Đức T cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận D1, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.



Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập của bị cáo Bùi Đức T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

**3. Biện pháp tư pháp:**

- Truy thu từ bị cáo Bùi Đức T số tiền gốc 552.000.000 đồng mà bị cáo đã làm phương tiện để cho vay lãi nặng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Bùi Đức T phải nộp lại số tiền: 93.770.836 thu lợi bất chính (bị cáo Bùi Đức T đã nộp 65.967.321 đồng, phải tiếp tục nộp thêm 27.803.515 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với hai bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24-6-2020, bị cáo Bùi Đức T kháng cáo xin hưởng mức án thấp nhất là xử phạt hành chính và không truy thu số tiền gốc 552.000.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Đức T tự nguyện rút một phần đơn kháng cáo về phần hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về hình phạt của bị cáo Bùi Đức T.

[2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại các cơ quan tiến hành tố tụng, bị cáo Bùi Đức T đã cùng bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn D2 thực hiện hành vi cho nhiều người vay lãi nặng nhằm mục đích hưởng lãi chênh lệch trái pháp luật, thể hiện: Bị cáo đã thông qua nhiều giao dịch dân sự bằng cách cho 23 người vay với số tiền 552.000.000 đồng tại tỉnh Quảng Trị để hưởng lãi 102.425.000 đồng và thu lợi bất chính 93.770.836 đồng trong thời gian ngắn. Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn D2 giúp sức cho Bùi Đức T việc xác minh và thu hồi nợ nên mỗi người được T trả tiền công từ 04- 5 triệu/tháng. Mặc dù các bị cáo nhận thức được hành vi cho người khác vay với mức lãi suất từ 114,062%/năm đến 536%/năm, cao gấp từ 5,7 lần đến 26,8 lần mức lãi suất 20%/năm quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Bùi Đức T và các bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Bùi Đức T đề nghị hoàn trả lại số tiền gốc 552.000.000 đồng:

Đối với hành vi cho nhiều người vay lãi nặng số tiền 552.000.000 đồng để hưởng chênh lệch trái quy định thì bị cáo T đã thừa nhận như phân tích ở phần [2]. Tuy nhiên, bị cáo lại cho rằng toàn bộ số tiền này là do bị cáo vay của những người thân trong gia đình, đó là: Mượn tiền của bác ruột bà Bùi Thị H và tiền của vợ chồng bị cáo T và chị Nguyễn Thị D (vợ bị cáo).

Về điều này, quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D trình bày: sau khi nghe chồng Bùi Đức T bàn bạc kinh doanh, buôn bán phụ tùng ô tô tại tỉnh Quảng Trị, cần vốn đầu tư khoảng 300.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị D thống nhất nên chuyển tiền cho T nhiều lần, cụ thể: Ngày 04-3-2019, tôi chuyển tiền cho T 02 lần từ tài khoản của tôi có số 0031000673414 qua số tài khoản của T có số 0031000359609 với số tiền 51.800.000 đồng. Ngày 05-3-2019, tôi chuyển cho T số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 11-3-2019 tôi mang 180.000.000đ chuyển cho T. Như vậy, tôi đã chuyển tổng cộng cho T 281.800.000 đồng. Trong đó, số tiền 200.000.000 đồng là mượn của bà Bùi Thị H, còn lại 81.800.000 đồng là tài sản chung của tôi (Nguyễn Thị D) và Bùi Đức T. Lời khai của bà Bùi Thị H tại cơ quan điều tra cũng thừa nhận có cho chị Nguyễn Thị D mượn số tiền 200.000.000 đồng từ khoản tiền tích góp nhiều năm của bà khi nghe chị Nguyễn Thị D nói mượn tiền để Bùi Đức T kinh doanh phụ tùng ô tô tại tỉnh Quảng Trị (BL 970, 971). Theo chị Nguyễn Thị D khai thì bà Bùi Thị H yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả cho Bà số tiền 200.000.000 đồng.

Như vậy, lời khai của bị cáo T phù hợp việc chị Nguyễn Thị D đã chuyển khoản cho bị cáo Bùi Đức T 03 lần với tổng số tiền 281.800.000 đồng (51.800.000đ + 50.000.000đ + 180.000.000đ), lời khai của bà Bùi Thị H tại cơ quan điều tra (BL 970, 971) và phù hợp tài liệu xác minh, thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra có tại hồ sơ vụ án. Việc bị cáo T đã sử dụng số tiền 281.800.000 đồng vào việc phạm tội thì chị Nguyễn Thị D và bà Bùi Thị H đều không hay biết nên cần hoàn trả số tiền này cho chủ sở hữu là bà Bùi Thị H và chị Nguyễn Thị D thông qua bị cáo Bùi Đức T theo quy định tại Điều 46, khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Số tiền còn lại 270,2 triệu (552.000.000đ - 281.800.000đ) bị cáo cho rằng vay tiền người thân nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh là hợp pháp. Do đó, tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T. Sửa bản án sơ thẩm.

**[4] Về án phí:** Bị cáo Bùi Đức T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;  
Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356; khoản 1 Điều 342 và Điều 348  
Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về hình phạt của bị cáo Bùi Đức T.

2. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Đức T đề nghị không truy thu tiền gốc. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST ngày 10-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. **Tuyên xử:**

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 46, khoản 3 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tịch thu số tiền gốc 270.200.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu hai trăm ngàn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho bị cáo Bùi Đức T số tiền 281.800.000đ (*Hai trăm tám mươi một triệu tám trăm ngàn đồng*).

### **3. Về án phí phúc thẩm:**

Bị cáo Bùi Đức T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 27- 9- 2020./.*

#### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND phường Đ, quận D1, TP Hải Phòng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lê Thúy Cầu**